

Số: 1565/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010; Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND thành phố Hà Nội ban hành kèm theo Quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1274/QĐ-UB ngày 13 tháng 4 năm 1996 của UBND thành phố Hà Nội về việc cho phép các Hội chuyên ngành thuộc Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Hà Nội có tư cách pháp nhân;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội tại Văn bản số 01/CV-HVNDG ngày 12 tháng 01 năm 2021; của Chủ tịch Hội Liên hiệp VHNT Hà Nội tại Văn bản số 08/CV-HLH ngày 04 tháng 02 năm 2021 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 676/TTr-SNV ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc đề nghị phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội đã được Đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025 của Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 4462/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2006 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê chuẩn Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các sở: Nội vụ, Văn hóa và Thể thao; các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Hà Nội và Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT TT UBND TP Lê Hồng Sơn;
- Công an TP;
- VP UBND TP: PCVP Võ Tuấn Anh, NC, KG-VX;
- Lưu: VT.

6868 - 11

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Sơn

ĐIỀU LỆ (sửa đổi, bổ sung)

Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội

(Ban hành theo Quyết định số: 1565/QĐ-UBND ngày 05/.../2021
của UBND Thành phố về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi và biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội.
- Tên tiếng Anh: Association of Hanoi Folklorists.
- Biểu tượng (logo): Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội có biểu tượng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Tôn chỉ: Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội (sau đây gọi tắt là Hội Văn nghệ dân gian) là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp của những công dân, tổ chức Việt Nam hiện đang sinh sống, hoạt động hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội; hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, sưu tầm văn hóa, văn nghệ dân gian; tự nguyện tuân thủ đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích: Hội Văn nghệ dân gian tập hợp, tổ chức và khuyến khích hội viên hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ dân gian trên tinh thần đoàn kết, phát huy tiềm năng sáng tạo của hội viên, nhằm xây dựng, phát triển nền văn hóa, văn học nghệ thuật Thủ đô tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng người Hà Nội thanh lịch văn minh; đẩy mạnh hoạt động sáng tạo văn học nghệ thuật với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, vì sự phát triển bền vững của Thủ đô và đất nước, góp phần xây dựng nhân cách con người Việt Nam đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng về chân, thiện, mỹ; góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Điều 3. Tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản, trụ sở

- Hội Văn nghệ dân gian có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng (tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ) tại ngân hàng.
- Trụ sở: số 19, phố Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điều 4. Lĩnh vực và phạm vi hoạt động

- Hội hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, sưu tầm văn hóa, văn nghệ dân gian.
- Phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Hội Văn nghệ dân gian là thành viên của Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Hà Nội (Hội Liên hiệp).
2. Hội Văn nghệ dân gian hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, không vì mục đích lợi nhuận; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam và Điều lệ Hội được UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt; tuân thủ Điều lệ Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội; chịu sự quản lý Nhà nước của Sở Văn hóa và Thể thao, các sở, ban, ngành có liên quan.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ mục đích của Hội theo Điều lệ; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên nhằm nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan Nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến sự phát triển của Hội và lĩnh vực văn hóa, văn nghệ dân gian.
6. Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng cho hội viên; tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
7. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
8. Được nhận các nguồn đóng góp, ủng hộ, tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được UBND Thành phố phê duyệt. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân hay tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển Thủ đô và đất nước.

3. Phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước, đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam và Điều lệ, quy chế của Hội.

4. Đại diện cho hội viên tham gia, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến mọi lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội đối với Hội Liên hiệp, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nội vụ, các sở, ban, ngành có liên quan.

6. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và Điều lệ Hội Liên hiệp.

7. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

8. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các quy định của pháp luật về công tác văn thư lưu trữ, bao gồm:

a) Lập hồ sơ danh sách hội viên, các đơn vị trực thuộc Hội, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội viên; lập sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội, các tài liệu liên quan đến hoạt động của Hội, sổ ghi biên bản các cuộc họp của Ban Chấp hành, Thường trực Hội và lưu trữ thường xuyên tại trụ sở của Hội.

b) Xác định thời gian lưu trữ và hủy tài liệu hồ sơ đó nếu hết thời hạn, đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

Hội viên gồm: hội viên chính thức (hội viên cá nhân, hội viên tổ chức) và hội viên danh dự.

1. Hội viên chính thức

a) Hội viên cá nhân là công dân Việt Nam từ 18 (mười tám) tuổi trở lên, hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu, sưu tầm văn hóa, văn nghệ dân gian; hiện đang sinh sống, hoạt động hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội, tự nguyện tuân thủ đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, tán thành Điều lệ Hội, tuân thủ Điều lệ của Hội Liên hiệp; tự nguyện làm đơn xin gia nhập

Hội, có 02 (hai) hội viên chính thức giới thiệu, được Ban Chấp hành xem xét, quyết định là hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên tổ chức là các tổ chức Việt Nam ổn định về tổ chức, hoạt động hiệu quả từ 02 (hai) năm trở lên trong lĩnh vực nghiên cứu, sưu tầm văn hóa, văn nghệ dân gian trên địa bàn thành phố Hà Nội; tán thành Điều lệ Hội, tuân thủ Điều lệ Hội Liên hiệp, tự nguyện gia nhập làm thành viên của Hội, được Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

2. Hội viên danh dự là những công dân Việt Nam có uy tín cao trong xã hội, có nhiều công lao đóng góp cho hoạt động của Hội; tán thành Điều lệ và tham gia hoạt động Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận là hội viên danh dự.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Hội viên chính thức

a) Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng theo quy định của pháp luật;

b) Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức;

c) Được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến vào chủ trương, kế hoạch công tác của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với Ban Chấp hành về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội;

d) Được tham dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và các chức danh lãnh đạo theo quy định của Hội;

đ) Được giới thiệu hội viên mới gia nhập Hội;

e) Được tuyên dương khen thưởng khi có thành tích xuất sắc theo quy định của Hội;

f) Được xin ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên;

g) Hội viên từ 70 (bảy mươi) tuổi trở lên không phải đóng hội phí;

h) Hội viên tổ chức hoạt động theo kế hoạch của tổ chức phù hợp với Điều lệ Hội và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình.

2. Hội viên danh dự được hưởng quyền, nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và các chức danh của lãnh đạo của Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, các Nghị quyết, Quy chế và Quy định của Hội.

2. Tích cực tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh, vì lợi ích của Hội Văn nghệ dân gian và của Hội Liên hiệp.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Tuyên truyền rộng rãi về Hội để thu hút hội viên mới và hoạt động góp phần phát triển tổ chức, hoạt động của Hội.

5. Thực hiện báo cáo kịp thời theo yêu cầu của Hội.

6. Trong trường hợp hội viên không thể tham gia hoạt động, sinh hoạt của Hội phải thông báo cho Văn phòng Hội.

7. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

8. Trả lại thẻ hội viên, giấy chứng nhận hội viên (nếu có) khi không còn là hội viên của Hội.

9. Không được phép tham gia, nhận giải thưởng và nhận tài trợ dưới mọi hình thức của các cá nhân, tổ chức, hội đoàn, ban vận động, ban liên lạc... chưa được pháp luật Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận.

Điều 11. Thủ tục gia nhập Hội, thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục gia nhập Hội

Tổ chức, công dân Việt Nam muốn gia nhập Hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

2. Thủ tục ra khỏi Hội

a) Khi hội viên có nguyện vọng xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành nêu rõ lý do, Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định;

b) Hội viên hoạt động trái với pháp luật Việt Nam, trái với Điều lệ Hội, không chấp hành Nghị quyết, vi phạm các quy định của Hội thì Ban Chấp hành xem xét thi hành kỷ luật khai trừ hội viên ra khỏi Hội.

c) Việc ra khỏi Hội hoặc bị khai trừ ra khỏi Hội phải được thông báo cho toàn thể hội viên biết.

3. Tư cách hội viên bị chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân bị mất quyền công dân;

b) Cá nhân không còn mang quốc tịch Việt Nam;

c) Pháp nhân bị giải thể, bị phá sản;

d) Hội viên cá nhân từ trần;

đ) Hội viên cá nhân mất tích (theo xác định của cơ quan có thẩm quyền);

e) Hội viên tổ chức vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ Hội; hoạt động không đúng với tôn chỉ, mục đích của tổ chức đã được Ban Chấp hành Hội phê duyệt.

4. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự kết nạp hội viên, xoá tên hội viên phù hợp với Điều lệ Hội Văn nghệ dân gian, Điều lệ Hội Liên hiệp và quy định của pháp luật.

5. Ban Chấp hành Hội có trách nhiệm quản lý hội viên và báo cáo số lượng hội viên gia nhập Hội, ra khỏi Hội hàng năm với Hội Liên hiệp.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Thường trực Hội (Chủ tịch, các Phó Chủ tịch).
4. Ban Kiểm tra.
5. Hội đồng Khoa học.
6. Văn phòng Hội.
7. Tổ chức cơ sở thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Đại hội

a) Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần do Ban Chấp hành đương nhiệm triệu tập. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành đề nghị hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức của Hội đề nghị;

b) Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có ít nhất 1/2 (một phần hai) số đại biểu được triệu tập có mặt; việc phân bổ số lượng đại biểu đi dự Đại hội do Ban Chấp hành quyết định.

2. Đại hội có nhiệm vụ:

a) Thảo luận, thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, phương hướng, nhiệm vụ của Hội nhiệm kỳ mới; Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm tra, Báo cáo tài chính nhiệm kỳ;

b) Thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung nếu có);

c) Thông qua việc chia tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên và giải thể Hội (nếu có);

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Quyết định mức thu hội phí;

e) Thảo luận và quyết định các vấn đề cần thiết khác;

f) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

3. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết, Quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tán thành;

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành do Đại hội bầu hoặc hiệp thương, việc bầu hoặc hiệp thương do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

a) Trường hợp Ban Chấp hành do Đại hội bầu thì danh sách nhân sự dự kiến giới thiệu tham gia Ban Chấp hành trình Đại hội quyết định do Ban Chấp hành đương nhiệm giới thiệu và danh sách hội viên ứng cử và hội viên được đề cử tại Đại hội;

b) Trường hợp Ban Chấp hành do Đại hội hiệp thương thì danh sách nhân sự dự kiến hiệp thương Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới do Ban Chấp hành đương nhiệm chuẩn bị trình Đại hội.

Trình tự, thủ tục bầu cử hoặc hiệp thương Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới được thực hiện theo quy chế do Đại hội thông qua.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Khoa học; bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Kiểm tra. Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung trong nhiệm kỳ không quá 1/3 (một phần ba) số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội thông qua;

b) Tổ chức thực hiện Điều lệ và Nghị quyết đã được Đại hội thông qua, lãnh đạo các hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

c) Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành; Quy chế kết nạp, quản lý hội viên; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội, Điều lệ Hội Liên hiệp và quy định của pháp luật;

d) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác nhiệm kỳ và hoạt động từng năm của Hội;

đ) Quyết định thành lập các tổ chức cơ sở thuộc Hội;

e) Lựa chọn, giới thiệu, chuẩn bị phương án và đề án nhân sự Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới trình Đại hội đảm bảo đúng quy trình, quy định của pháp luật;

f) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

g) Miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Chấp hành;

h) Bầu bổ sung hoặc miễn nhiệm Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng Khoa học khi Hội đồng Khoa học đề nghị;

i) Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Khoa học theo quy định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội; Điều lệ Hội Liên hiệp;

b) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có ít nhất 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành biểu quyết tập thể những vấn đề quan trọng của Hội;

c) Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Hình thức biểu quyết (giơ tay hoặc bỏ phiếu kín) do Ban Chấp hành quyết định; trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Thường trực Hội

1. Thường trực Hội Văn nghệ dân gian gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện các nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chỉ đạo Văn phòng Hội, các tổ chức cơ sở thuộc Hội hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch mà Ban Chấp hành đã thông qua.

c) Chỉ đạo Hội đồng Khoa học về các vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ nhằm nâng cao chất lượng sưu tầm, nghiên cứu văn hóa, văn nghệ dân gian; thẩm định chất lượng các tác phẩm; chấm các giải thưởng do Hội tổ chức hoặc các giải thưởng thuộc lĩnh vực văn nghệ dân gian do cơ quan, tổ chức đề nghị.

3. Nguyên tắc hoạt động của Thường trực Hội

a) Thường trực Hội hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội; Điều lệ Hội Liên hiệp;

b) Thường trực Hội họp 01 (một) tháng 01 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Thường trực Hội yêu cầu;

c) Các cuộc họp của Thường trực Hội là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) thành viên Thường trực Hội tham gia dự họp;

d) Các Nghị quyết, Quyết định của Thường trực Hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Thường trực dự họp biểu quyết tán thành. Hình thức biểu quyết (giơ tay hoặc bỏ phiếu kín) do Thường trực Hội quyết định; trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

Điều 16. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành. Điều kiện, tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành xây dựng trình Đại hội quyết định trên cơ sở quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân, chủ tài khoản, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước Thành ủy, UBND Thành phố, Hội Liên hiệp và các sở, ban, ngành liên quan về hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành hoạt động của Hội theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội, Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành và quy định pháp luật;

c) Chỉ đạo việc chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, ký các văn bản, chứng từ của Hội với trách nhiệm chủ tài khoản cơ quan Hội theo đúng quy định pháp luật;

đ) Ký quyết định công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng Khoa học, Quyết định thành lập các tổ chức cơ sở thuộc Hội khi được Ban Chấp hành Hội thông qua;

e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Thường trực hoặc 01 (một) Phó Chủ tịch (nếu không có Phó Chủ tịch Thường trực). Phó Chủ tịch được ủy quyền có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch về việc giải quyết công việc được ủy quyền.

4. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành. Điều kiện, tiêu chuẩn, số lượng Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành đương nhiệm xây dựng trình Đại hội quyết định trên cơ sở quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành từng lĩnh vực công tác theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được phân công hoặc ủy quyền.

Điều 17. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu bằng hình thức biểu quyết giơ tay. Ban Kiểm tra có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra

a) Bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban;

b) Kiểm tra giám sát việc thi hành Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành;

c) Kiểm tra việc thực hiện các quy định của Hội đối với hội viên, tổ chức cơ sở thuộc Hội;

d) Đại diện Ban Kiểm tra được dự các kỳ họp Ban Chấp hành;

đ) Xem xét, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội, báo cáo Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra

Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 18. Văn phòng Hội

Văn phòng Hội là cơ quan giúp việc cho Ban Chấp hành về hành chính - quản trị, theo dõi tình hình sáng tác, triển khai hoạt động chuyên môn và thực hiện chính sách đối với hội viên; hoạt động theo quy chế tổ chức do Ban Chấp hành ban hành, dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch, Phó Chủ tịch.

Điều 19. Hội đồng Khoa học

1. Hội đồng Khoa học (Hội đồng) do Ban Chấp hành bầu gồm một số Ủy viên Ban Chấp hành và một số hội viên có uy tín trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ dân gian; Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Khoa học do Ban Chấp hành quyết định; Hình thức bầu bằng phiếu kín hoặc biểu quyết giơ tay và phải đạt trên 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Ban Chấp hành tán thành. Nhiệm kỳ của Hội đồng Khoa học cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

Hội đồng Khoa học hoạt động theo nguyên tắc tập thể và quy chế do Ban Chấp hành ban hành; có nhiệm vụ đề xuất với Ban Chấp hành những vấn đề nhằm nâng cao chất lượng sáng tác; thẩm định chất lượng nghệ thuật các tác phẩm; chấm các giải thưởng do Hội tổ chức hoặc các giải thưởng thuộc lĩnh vực văn hóa, văn nghệ dân gian do cơ quan, tổ chức yêu cầu sau khi có ý kiến của Ban Chấp hành.

2. Chủ tịch Hội đồng Khoa học là Ủy viên Ban Chấp hành, do Hội đồng Khoa học bầu bằng phiếu kín hoặc biểu quyết giơ tay và phải đạt trên 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Hội đồng Khoa học tán thành.

Chủ tịch Hội đồng Khoa học có trách nhiệm thực hiện quy chế hoạt động của Hội đồng Khoa học do Ban Chấp hành ban hành; chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Chủ tịch Hội và pháp luật về kết quả hoạt động của Hội đồng.

3. Việc bổ sung hoặc miễn nhiệm Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng Khoa học do Hội đồng Khoa học đề nghị, Ban Chấp hành bầu bằng phiếu kín hoặc biểu quyết giơ tay và phải được trên 1/2 (một phần hai) số Ủy viên Ban Chấp hành tán thành.

4. Hội đồng Khoa học có trách nhiệm xác minh, thẩm định, đề xuất với Ban Chấp hành về việc xem xét, xử lý các vi phạm về chuyên môn, nghiệp vụ, bản quyền đối với các tác giả, hội viên của Hội. Hội đồng Khoa học chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành về quyết định của Hội đồng.

Điều 20. Tổ chức cơ sở thuộc Hội

1. Hội được thành lập các chi hội, phân hội, tổ hội (gọi chung là tổ chức cơ sở thuộc Hội), hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế làm việc của các tổ chức cơ sở thuộc Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Các tổ chức cơ sở do Hội thành lập không có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng.

Điều 21. Mối quan hệ giữa Hội Văn nghệ dân gian với các tổ chức thành viên thuộc Hội Liên hiệp và với Hội Liên hiệp

1. Mối quan hệ giữa Hội Văn nghệ dân gian với các tổ chức thành viên thuộc Hội Liên hiệp.

a) Quan hệ và hợp tác bình đẳng với các tổ chức thành viên về hoạt động Văn học nghệ thuật theo Điều lệ Hội Liên hiệp.

b) Tham gia cùng các tổ chức thành viên thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, kế hoạch, đề án chung của Hội Liên hiệp.

c) Có cơ chế phối hợp với các tổ chức thành viên về các hoạt động, chương trình, đề án thuộc lĩnh vực Văn học nghệ thuật khi được Hội Liên hiệp giao nhiệm vụ và các cơ quan chức năng yêu cầu.

2. Mối quan hệ giữa Hội Văn nghệ dân gian với Hội Liên hiệp

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 20, Điều lệ Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội đã được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt kèm theo Quyết định số 580/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2019 và Quy chế làm việc giữa Hội Liên hiệp với các tổ chức thành viên thuộc Hội Liên hiệp do Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội ban hành.

Chương V

CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ

Điều 22. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên

Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên Hội phải tuân theo sự lãnh đạo của Đảng; quy định pháp luật về Hội, Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 23. Giải thể Hội

1. Hội giải thể trong các trường hợp:

a) Tự giải thể;

b) Do cơ quan có thẩm quyền quyết định giải thể.

2. Hội tự giải thể trong trường hợp sau:

Theo đề nghị và biểu quyết thông qua của trên 2/3 (hai phần ba) tổng số hội viên;

3. Trình tự và thủ tục khi Hội tự giải thể thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

4. Hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

a) Hội không hoạt động liên tục 12 (mười hai) tháng;

b) Khi có Nghị quyết của Đại hội về việc Hội tự giải thể mà Ban Chấp hành Hội không chấp hành;

c) Hoạt động của Hội vi phạm Hiến pháp và pháp luật hiện hành.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 24. Tài chính, tài sản

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội gồm: Ngân sách Thành phố hỗ trợ hàng năm thông qua Hội Liên hiệp; thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật; tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; hội phí và các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội: Chi các hoạt động thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; mua sắm thiết bị văn phòng, thiết bị hỗ trợ chuyên môn theo kế hoạch hoạt động cụ thể của Hội; chi hành chính; chi thực hiện chế độ, chính sách, bồi dưỡng và thù lao hợp đồng đối với những người làm việc tại cơ quan Hội; chi khen thưởng, giải thưởng và các khoản chi khác theo Quyết nghị của Ban Chấp hành và theo quy định.

2. Tài sản của Hội

Tài sản của Hội bao gồm: trụ sở, trang thiết bị làm việc, các phương tiện phục vụ hoạt động của Hội do Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội bố trí và phân bổ từ nguồn hỗ trợ của nhà nước hoặc được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Quản lý tài sản, tài chính

1. Việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm, theo quy định của pháp luật. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội.

2. Các khoản thu, chi của Hội được thực hiện đúng quy định về chế độ kế toán; thực hiện báo cáo công khai tài chính tại Hội nghị thường kỳ hàng năm của Ban Chấp hành Hội.

Điều 26. Xử lý tài chính, tài sản khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và giải thể Hội

Tài sản, tài chính, quyền và lợi ích, trách nhiệm, nghĩa vụ các tổ chức, cá nhân liên quan đến Hội thực hiện theo quy định của pháp luật khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và giải thể.

Chương VII

KHENTHƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 27. Khen thưởng

Các tổ chức thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc trong công tác được Ban Chấp hành Hội khen thưởng hoặc đề xuất lên Hội Liên hiệp hoặc cơ

quan có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật về khen thưởng.

Điều 28. Kỷ luật

Các tổ chức thuộc Hội, hội viên làm tổn hại đến uy tín, danh dự, tài chính, làm trái với Điều lệ, Nghị quyết của Hội thì tùy theo mức độ sai phạm mà áp dụng các hình thức kỷ luật từ phê bình, khiển trách, cảnh cáo đến khai trừ khỏi Hội. Hội viên không tham gia sinh hoạt, không đóng hội phí trong thời gian 12 (mười hai) tháng mà không có lý do chính đáng thì bị xóa tên trong danh sách hội viên. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải chịu trách nhiệm bồi thường hoặc chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục khen thưởng, kỷ luật

Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế về công tác khen thưởng, kỷ luật hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 30. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội do Hội quyết định theo quy định của Điều lệ Hội và pháp luật. Ban Lãnh đạo hội có trách nhiệm quy định cụ thể về trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội phù hợp Điều lệ Hội, quy định của pháp luật.

2. Ban Kiểm tra thực hiện việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết; báo cáo kết quả với Ban Chấp hành.

3. Ban Chấp hành Hội có trách nhiệm báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội của Hội Văn nghệ dân gian mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này và phải được trên 2/3 (hai phần ba) số đại biểu trong danh sách đại biểu dự Đại hội tán thành.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 08 (tám) Chương và 32 (ba mươi hai) Điều được Đại hội Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội nhiệm kỳ (2020-2025) thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại Thủ đô Hà Nội. Điều lệ này có hiệu lực theo Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Điều lệ này thay thế Điều lệ Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 4462/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2006 của UBND thành phố Hà Nội.

3. Căn cứ các quy định pháp luật về Hội, Điều lệ Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Hà Nội và Điều lệ Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội, Ban Chấp hành Hội Văn nghệ dân gian Hà Nội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức triển khai, thi hành Điều lệ này./.

YH QHO